

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM⁽¹⁾
(Ngày 03 tháng 01 năm 2024)⁽²⁾

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập
 - Họ và tên: Trần Thị Thanh Trúc. Năm sinh: 08/3/1983
 - Chức vụ/chức danh công tác: Phó Hiệu trưởng chuyên môn
 - Cơ quan/đơn vị công tác: Trường Mầm non Phước Thạnh
 - Nơi thường trú: Tây Hòa, xã Song Thuận, huyện Châu Thành, Tiền Giang
 - Số căn cước công dân: 082183021000 ngày cấp 26/8/2021. Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.
2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập
 - Họ và tên: Võ Hoàng Thái. Năm sinh: 21/3/1983
 - Nghề nghiệp: Công nhân viên
 - Nơi làm việc: Công ty TNHH Thủy sản Đại Thành
 - Nơi thường trú: Tây Hòa, xã Song Thuận, huyện Châu Thành, Tiền Giang
 - Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: 311717938 ngày cấp 16/5/2012, nơi cấp Công an Tiền Giang.
3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)
 - 3.1. Con thứ nhất:
 - Họ và tên: Võ Minh Châu. Ngày, tháng, năm sinh: 01/3/2011
 - Nơi thường trú: Tây Hòa, xã Song Thuận, huyện Châu Thành, Tiền Giang
 - 3.2. Con thứ hai:
 - Họ và tên: Võ Hồng Ngọc. Ngày, tháng, năm sinh: 21/7/2015
 - Nơi thường trú: Tây Hòa, xã Song Thuận, huyện Châu Thành, Tiền Giang

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾:

1.1. Đất ở⁽⁷⁾:

1.1.1. Thừa thứ nhất: Không.

- Địa chỉ⁽⁸⁾:

- Diện tích⁽⁹⁾:

- Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾:

- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾:

1.1.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Không.

1.2. Các loại đất khác⁽¹³⁾: Không.

1.2.1. Thừa thứ nhất: Không.

- Loại đất:..... Địa chỉ:.....

- Diện tích:.....

- Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng:.....

- Thông tin khác (nếu có):.....

1.2.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Không.

Nguyễn

2. Nhà ở, công trình xây dựng:.....
- 2.1. Nhà ở:
- 2.1.1. Nhà thứ nhất: Không.
- Địa chỉ:
 - Loại nhà⁽¹⁴⁾:
 - Diện tích sử dụng⁽¹⁵⁾:
 - Giá trị⁽¹⁰⁾:
 - Giấy chứng nhận quyền sở hữu:
 - Thông tin khác (nếu có): Không..
- 2.1.2. Nhà thứ hai (trở lên): Không.
- 2.2. Công trình xây dựng khác⁽¹⁶⁾: Không.
- 2.2.1. Công trình thứ nhất:
- Tên công trình:..... Địa chỉ:.....
 - Loại công trình:..... Cấp công trình:.....
 - Diện tích:.....
 - Giá trị⁽¹⁰⁾:
 - Giấy chứng nhận quyền sở hữu:.....
 - Thông tin khác (nếu có):.....
- 2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Không.
3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾: Không.
- 3.1. Cây lâu năm⁽¹⁸⁾:
- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
 - Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- 3.2. Rừng sản xuất⁽¹⁹⁾:
- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
 - Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- 3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:
- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
 - Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾: Không
5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên⁽²¹⁾: Không
6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): Không
- 6.1. Cổ phiếu:
- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:.....
 - Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:.....
- 6.2. Trái phiếu:
- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:.....
 - Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:.....
- 6.3. Vốn góp⁽²²⁾:
- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....
 - Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....
- 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác⁽²³⁾:
- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:.....
 - Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

Mmm

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

Không

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...) ⁽²⁴⁾:

Không

- Tên tài sản: Xe Lead. Số đăng ký: 63C1 359-09 Giá trị: 41.000.000đ
- Tên tài sản: Air Blade . Số đăng ký: 63C1 15464 Giá trị: 43.000.000đ
- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:.....

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác) ⁽²⁵⁾: Không.

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:.....
- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:.....

8. Tài sản ở nước ngoài ⁽²⁶⁾: Không.

9. Tài khoản ở nước ngoài ⁽²⁷⁾: Không.

- Tên chủ tài khoản:, số tài khoản:.....
- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:.....

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai ⁽²⁸⁾: 236.448.680.000 đ (13 tháng)

- Tổng thu nhập của người kê khai: 10.188.360đ. Bao gồm: Lương + phụ cấp chức vụ + vượt khung: 6.444.000đ. Phụ cấp thâm niên: 1.224.360 đ + phụ cấp ưu đãi: 2.520.000đ.

- Tổng thu nhập của chồng: 8.000.000đ/tháng

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên:

- Tổng các khoản thu nhập chung:

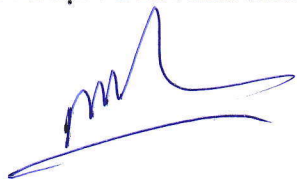
III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM ⁽²⁹⁾

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất 1.1. Đất ở 1.2. Các loại đất khác 2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở 2.2. Công trình xây dựng khác 3. Tài sản khác gắn liền với đất 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.			

Handwritten signature

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): 6.1. Cổ phiếu 6.2. Trái phiếu 6.3. Vốn góp 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác 7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...). 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác). 8. Tài sản ở nước ngoài. 9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽³²⁾.			+236.448.680.000đ (13 tháng) - Tổng thu nhập của người kê khai: 10.188.360đ/tháng (bao gồm: Lương + phụ cấp chức vụ + vượt khung: 6.444.000đ. Phụ cấp thâm niên: 1.224.360 đ + phụ cấp ưu đãi: 2.520.000đ.) Tổng thu nhập: 132.448.680đ (13 tháng) - Tổng thu nhập của chồng: 8.000.000đ/tháng (104.000.000đ - 13 tháng)
--	--	--	--

Phước Thành, ngày 03 tháng 01 năm 2024
NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI



Nguyễn Thị Kiều Oanh

Phước Thành, ngày 03 tháng 01 năm 2024
NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN



Trần Thị Thanh Trúc

